TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2025/DS-PT
Ngày: 16-7-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 289/2025/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 392 ngày 09 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 427 ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của chị H: Chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số A, L, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Số A, đường L, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2025*).* (*Có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số D, ấp B, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số D, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2025*). (Có mặt)*

2.2. Anh Bùi Nhựt N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Sơn N1, sinh năm 1991.

3.2. Chị Phạm Thị Kim C, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Nay là: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số D, ấp B, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số D, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2025*). (Có mặt)*

3. Người kháng cáo: Chị Lê Thị Bích L là bị đơn; anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H là anh Hồ Thanh H1 trình bày:

Giữa chị H, chị L và anh N1 không có mối quan hệ bà con, tuy nhiên, chị H có quen biết anh N1. Chị L và anh N1 nói với chị H rằng họ là vợ chồng, theo chị H biết, họ chung sống và có con chung. Ngày 07/3/2024, chị H cho chị L và anh N1 vay 980.000.000 đồng, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng. Theo hợp đồng, bên cho vay là chị H, bên vay là anh N1 và

chị L, mục đích vay tiền để chị L đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau rằng 30 ngày sau sẽ hoàn trả tiền gốc, lãi suất cho vay là 3%/tháng, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh. Kể từ khi vay tiền, chị L và anh N1 không thanh toán lãi cũng như không trả tiền gốc cho chị H. Khi vay, chị L và anh N1 không nói với chị H rằng mỗi người vay 490.000.000 đồng.

Khi giao tiền vay, chị H nhờ người bạn là anh Lê Thành Đ1 chuyển khoản thay, trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng của chị Lê Thị Bích L tại Ngân hàng P. Chị H xác định lại rằng người vay tiền là chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N.

Trước đó, vào ngày 31/7/2024, chị H trình bày rằng người vay là chị L, do chị L không thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N. Vì vậy, chị H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình chị L trả nợ. Tuy nhiên, đến nay, chị H xác định rõ rằng chị L và anh Nhựt N là vợ chồng. Đồng thời, cả hai cùng ký tên vay tiền, nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị H. Theo Hợp đồng vay ngày 07/3/2024, ban đầu chỉ có chị H và anh Nhựt N ký tên, do anh N nói rằng: *"Vợ tôi đi dạy học nên tôi ký trước và nhận tiền."* Đến ngày hôm sau (08/3/2024), chị H gặp vợ chồng anh N, chị L trên đường nên yêu cầu chị L ký tên vào hợp đồng vay ngày 07/3/2024, và chị L đã thống nhất ký tên.

Sau khi vay tiền, đến ngày 17/6/2024, do anh N và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như đóng lãi, chị H đã gặp chị L để đòi tiền. Tại Văn phòng ấp Phú Thạnh A, chị L lập *"Tờ cam kết"* trả nợ cho chị H, trong đó cam kết sẽ trả trước 400.000.000 đồng sau khi nhận tiền chuyển nhượng đất từ chị Kim C, số tiền còn lại 580.000.000 đồng hứa vào ngày 17/7/2024 sẽ trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H trình bày là chỉ đồng ý nội dung trong tờ cam kết là chị L thừa nhận có thiếu 980.000.000 đồng, còn việc hứa trả như thế nào là không thống nhất nên ngày 18/6/2024 chị H nộp đơn khởi kiện, đồng thời yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Về ý kiến của chị L liên quan đến yêu cầu gỡ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và đề nghị trả cho chị H số tiền gốc còn nợ là 580.000.000 đồng, tiền lãi theo mức 10%/năm, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc anh Bùi Nhựt N phải trả phần còn lại là 400.000.000 đồng, chị H không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, tự nguyện thay đổi yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất là 0,83%/tháng, tương đương 10%/năm tính từ ngày vay tiền là ngày 07/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/02/2025 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết nợ.

Để đảm bảo việc thi hành án, chị H đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lê Thị Bích L là anh Lê Chí T trình bày:

Trước đây, chị Lê Thị Bích L có vay của Ngân hàng D1 số tiền 980.000.000 đồng**,** người đứng tên vay tiền là chị L, và tài sản thế chấp cũng thuộc quyền sở hữu của chị L. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền vay, chị L và anh Bùi Nhựt N mỗi người sử dụng 490.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Đến hạn trả nợ Ngân hàng nhưng không có khả năng thanh toán, chị L và anh Nhựt N đã vay tiền của chị H để trả nợ Ngân hàng.

Do chị L vay tiền Ngân hàng D1 và cho anh N2 N mượn lại 490.000.000 đồng**,** nên hai bên đã thỏa thuận mỗi người vay của chị H 490.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, thỏa thuận này chỉ diễn ra bằng lời nói, không có văn bản hay chứng cứ chứng minh.

Việc vay tiền thực hiện vào ngày 07/3/2024, hai bên có làm Hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng, nội dung Hợp đồng là bên cho vay là chị H, bên vay tiền là chị L và anh N, mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận miệng rằng khi nào vay được tiền từ Ngân hàng thì sẽ trả lại cho chị H, lãi suất tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng N4 nhưng không nói rõ bao nhiêu %/tháng.

Sau khi vay tiền, chị L và anh N2 Nam không thanh toán lãi cũng như không trả nợ gốc cho chị H. Trong khoản vay 980.000.000 đồng**,** chị L và anh Nhựt N thống nhất mỗi người chịu trách nhiệm 490.000.000 đồng**.** Khi vay tiền, anh Nhựt N có thông báo cho chị H về sự thỏa thuận này, nhưng các bên không lập văn bản xác nhận.

Khi vay tiền thì anh N là người trực tiếp trao đổi với chị H, anh N gặp chị H để ký Hợp đồng vay ngày 07/3/2024, chị H chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của chị L mở tại Ngân hàng D1 (P). Sau đó 03 ngày thấy chị L và

anh N chưa trả tiền vay nên chị H gặp chị L yêu cầu chị L ký tên vào Hợp đồng vay ngày 07/3/2024, chị L có đọc lại Hợp đồng vay và thống nhất ký tên. Hiện tại, chị L không còn vay tiền tại Ngân hàng D1. Ngân hàng V có thông báo về khả năng cho vay, nhưng do đang có tranh chấp với chị H nên chị L chờ giải quyết xong vụ việc mới tiến hành thủ tục vay lại.

Chị L yêu cầu Tòa án gỡ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, lý do chị L đã bán tài sản để trả nợ cho ông D theo yêu cầu của thi hành án.

Về mối quan hệ giữa chị L và anh Nhựt N: Ban đầu, chị L trình bày rằng giữa hai người chỉ là bạn bè, hùn hạp làm ăn chung. Tuy nhiên, thực tế vào năm 2015, chị L và anh N đã tổ chức đám cưới và chung sống đến năm 2018. Năm 2018, chị L có tranh chấp hợp đồng mua bán với bà Đỗ Nguyễn Thu T1, anh Nhựt N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vụ án này đã được giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 06/3/2018 và Bản án phúc thẩm số 206/2018/DS-PT ngày 06/9/2018. Sau khi vụ án kết thúc, anh Nhựt N cho rằng gia đình chị L có nhiều vấn đề và anh cũng chưa dứt khoát với vợ cũ, nên cha mẹ hai bên đã làm giấy thỏa thuận ly hôn, nhưng do hai người chưa đăng ký kết hôn nên chính quyền địa phương không thể xác nhận. Đồng thời, chị L và anh N cũng không thực hiện thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T là đại diện cho bị đơn chị Lê Thị Bích L, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là đồng ý thanh toán số tiền 580.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 17/6/2024, với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 17/7/2024 đến ngày 07/02/2025 (ngày xét xử sơ thẩm). Đối với số nợ gốc còn lại 400.000.000 đồng, đại diện bị đơn đề nghị Tòa án buộc anh Bùi Nhựt N chịu trách nhiệm thanh toán cho chị H, với lý do giữa chị L và anh N đã có thỏa thuận về việc chia đôi khoản vay này. Tuy nhiên, do anh Nhựt N không có mặt tại phiên tòa để làm rõ nội dung thỏa thuận trên, đại diện bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để Tòa án tiến hành xác minh về việc có hay không thỏa thuận chia đôi số nợ giữa chị L và anh N. Đồng thời, chị L không đồng ý liên đới cùng anh N trả toàn bộ số tiền vay 980.000.000 đồng cho chị H.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim C, anh Nguyễn Sơn N1 là anh Lê Chí T trình bày:

Ý kiến của chị C và anh Sơn N1: Chị Kim C và anh Sơn N1 xác định họ là người nhận chuyển nhượng phần đất đang bị phong tỏa, bao gồm diện tích 2.257,6m^2, thửa số 87, tờ bản đồ số 02; 3.763,3m^2 thửa số 792, tờ bản đồ số 02; 4.861m^2 thửa số 807, tờ bản đồ số 02; 1.061,5m^2 thửa số 831, tờ bản đồ số 02, cùng tọa lạc tại xã P. Giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng, hai bên đã ký kết xong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất**,** nhưng chưa hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các thửa đất này đang bị phong tỏa. Chị C và anh Sơn N1 xác nhận rằng họ đã thanh toán đầy đủ số tiền chuyển nhượng cho chị Lê Thị Bích L, và hiện nay, phần đất trên do vợ chồng chị C và anh Sơn N1 trực tiếp canh tác. Đối với việc chị H khởi kiện chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N để đòi tiền vay cũng như yêu cầu xử lý phần đất đang bị phong tỏa, chị C và anh Sơn N1 không có ý kiến. Họ chỉ đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người làm chứng anh Lê Thành Đ1 trình bày:

Anh và chị H là bạn bè, có quan hệ làm ăn chung. Ngày 07/3/2024, anh Bùi Nhựt N và chị Lê Thị Bích L vay tiền của chị H. Do chị H bận, nên chị nhờ anh chuyển số tiền vay 980.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của chị Lê Thị Bích L. Anh có mặt và chứng kiến việc anh Bùi Nhựt N và chị Lê Thị Bích L ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 07/3/2024. Số tiền vay 980.000.000 đồng là tiền của chị H, không liên quan đến anh. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này và cũng không đề nghị Tòa án đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với bị đơn anh Bùi Nhựt N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh N từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, nhưng có gửi bản trình bày ý kiến đề ngày 10/7/2024 qua đường bưu điện nội dung: *"...chia đôi phần nợ giữa tôi và cô L để mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho chị H chứ không cùng liên đới trả nợ cho chị H theo như chị H yêu cầu Tòa án giải quyết liên đới trả nợ như nêu trên. Căn cứ theo hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng*

của tôi mà chị H có yêu cầu tòa án giải quyết tính lãi với mức lãi là 1,66% trên tháng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi cô L và tôi trả hết số nợ cho chị H, đều này tôi có yêu cầu đến quí tòa án xem xét giải quyết cho tôi với mức lãi xuất theo Ngân hàng qui định. Ngoài ra tôi không có ý kiến nào khác trong vụ án này…".

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (viết tắt bản án sơ thẩm) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi cho chị Nguyễn Thị H là: 1.070.482.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí:

Buộc chị Lê Thị Bích L, anh Bùi Nhựt N liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 44.114.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.540.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006174 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/02/2025 chị Lê Thị Bích L, anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Bích L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm; yêu cầu không chấp nhận việc liên đới nghĩa vụ của chị L và anh Nhựt N trả nợ cho chị H.

Anh Nguyễn Sơn N1, Phạm Thị Kim C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, nếu không hủy án thì anh N1 yêu cầu Tòa án chấp nhận một phần kháng cáo của anh N1, sửa án: "Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/06/2024".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Q trình bày: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với chị L, anh Sơn N1, chị C về giải quyết vụ án..

- Anh Đ trình bày: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với chị H về giải quyết vụ án. Chị L không đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ cùng anh Nhựt N, chỉ đồng ý trả cho chị H 580 triệu đồng. Anh Sơn N1, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm. Nếu không hủy án thì yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C thực hiện đúng và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Bích L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C; đề nghị tuyên xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Chị Lê Thị Bích L anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C nộp đơn kháng cáo trong thời hạn nên hợp lệ. Chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Phan Thị Thảo Q, anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị kim C ủy quyền cho anh Nguyễn Quốc Đ thủ tục ủy quyền hợp lệ nên chấp nhận. Anh Nguyễn Nhựt N3 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh Nhựt N3 theo quy định.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N cùng liên đới trả số tiền gốc 980.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 07/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ để chị H yêu cầu là "Hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng" ngày 07/3/2024, có chữ ký của chị L và anh Nhựt N, với số tiền vay 980.000.000 đồng, mục đích vay là đáo hạn Ngân hàng được chị L và anh Nhựt N thừa nhận. Do đó việc vay số tiền trên của chị L và anh Nhựt N là có thật. Phù hợp với lời trình bày của anh Lê Thành Đ1 là người trực tiếp chuyển khoản số tiền 980.000.000 đồng vào tài khoản của chị L, và chứng kiến việc chị L, anh Nhựt N ký vào hợp đồng vay tiền ngày 07/3/2024.

Việc chị L cho rằng C1 và anh N2 Nam thỏa thuận với nhau rằng, đây là việc vay riêng lẽ của L và Nhựt N vay của chị H mỗi người là 490.000.000đ. Do đó, chị L không đồng ý liên đới cùng anh N2 Nam trả tiền cho chị H vì giữa chị và anh Nhựt N không có mối quan hệ gì với nhau và độc lập với nhau về kinh tế. Xét thấy chị L và anh Nhựt N cùng ký tên vay tiền của chị H theo "Hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng" ngày 07/3/2024 (gọi tắt là Hợp đồng). Trong toàn bộ nội dung của Hợp đồng không có chỗ nào thể hiện ý chí chị L và anh Nhựt N vay riêng cá nhân mỗi người 490.000.000đ. Chị L cũng không cung cấp được chứng cứ hay bất kỳ văn bản nào thể hiện có việc thỏa thuận

giữa chị L và anh Nhựt N mỗi người chỉ vay của chị H 490.000.000đ. Hơn nữa, việc có mối quan hệ hay độc lập về kinh tế giữa chị L và anh Nhựt N có hay không cũng không ảnh hưởng gì với trách nhiệm liên đới trong việc có vay nợ và phải liên đới trả nợ, nên trình bày của chị L là không cơ sở.

Xét thấy, thời điểm vay thì cả chị L và anh Nhựt N cùng vay của chị H số tiền 980.000.000 đồng và cũng không có văn bản nào thỏa thuận giữa các bên là chia đôi phần nợ từ nghĩa vụ chung của chị L và anh Nhựt N sang nghĩa vụ theo phần là mỗi người chịu ½ số nợ như phía chị L nại ra và được sự đồng ý của chủ nợ là chị H. Cho nên lời khai nại và trình bày của chị L là không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận. Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị L và anh Nhựt N cùng liên đới trả phần nợ trên cả gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Sơn N1 và chị Phạm Thị Kim C yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự là chưa có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình giải quyết sơ thẩm anh Sơn N1 và chị Kim C không có yêu cầu xem xét gì về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chị L với anh Sơn N1 và chị C và cũng không có khiếu nại gì đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên. Hơn nữa, việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục, đối tượng, biện pháp bảo đảm…, nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của phía bị đơn cho nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa chị L, anh Sơn N1 và chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của chị L, anh Sơn N1 và chị C là không có đủ căn cứ; đồng thời chị L, anh Sơn N1 và chị C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Bích L, anh Nguyễn Sơn N1 và chị Phạm Thị Kim C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của chị Lê Thị Bích L, anh Nguyễn Sơn N1 và chị Phạm Thị Kim C không được chấp nhận, nên chị L, anh Sơn N1, chị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000đ theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144, 147, 227, 228, 244, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Bích L, anh Nguyễn Sơn N1 và chị Phạm Thị Kim C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi cho chị Nguyễn Thị H là: 1.070.482.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp).

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lê Thị Bích L, anh Bùi Nhựt N liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 44.114.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.540.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006174 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị Bích L phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014545 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp).

Anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C mỗi người phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014652 và số 0014653 cùng ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ, KT, TT & THA TAND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND khu vực 12 - Đồng Tháp;
- THADS Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (K).

Trần Văn Kiến